

LỊCH MỞ CỦA PHÒNG MÁY TÍNH THỰC HÀNH CƠ SỞ QUẬN 7

TUẦN 45		04/11/2024	05/11/2024	06/11/2024	07/11/2024	08/11/2024	09/11/2024	10/11/2024
PM		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ Nhật
Sáng	B602	2006 HTTKT GV L T T Việt	2604 THKTTC GV P T Huyền	2003 HTTKT GV N D Duẩn		2603 THKTTC GV T T N Nga	3318 THUD GV L T K Thoa	
	B603	4201 Kinh tế lượng GV D Q Hòa	4219 Kinh tế lượng GV N T Hưng	4203 Kinh tế lượng GV N T Duy	4213 Kinh tế lượng GV N V Phong	4206 Kinh tế lượng GV T Đ Trưởng	4210 Kinh tế lượng GV D Q Hòa	
	B604	4207 Kinh tế lượng GV T Đ Phụng	4220 Kinh tế lượng GV T Đ Phụng	4211 Kinh tế lượng GV V T B Khuê	4222 Kinh tế lượng GV V T B Khuê	3317 THUD GV L H T Mai	4212 Kinh tế lượng GV N T Hưng	
	B605		4210 Kinh tế lượng GV N V Phong	4224 Kinh tế lượng GV T Đ Trưởng	3317 THUD GV L H T Mai	2401 Kinh tế lượng GV N H Hoàng	4217 Kinh tế lượng GV N T Duy	
	B606	3305 THUD GV V T T Hưng	3308 THUD GV L T K Thoa	3310 THUD GV N T T Lộc	8003 THUD GV P T Tú	3312 THUD GV T A Sơn	3307 THUD GV N Q Thanh	
	B608	3315 THUD GV T X Hưng	3317 THUD GV L H T Mai	3323 THUD GV N T Trường	3320 THUD GV T T Công	3321 THUD GV T Đ H Thụy	3313 THUD GV T T Hiếu	
	B610	3327 THUD GV T T N Lý			3325 THUD GV H N T Trung	3309 THUD		
	Người Trực	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Nam	
	B602	2001 HTTKT GV L T T Việt	2602 THKTTC GV P T Huyền	2005 HTTKT GV L T T Việt	2602 THKTTC GV P T Huyền	2601 THKTTC GV T T N Nga		
	B603	4202 Kinh tế lượng GV T Đ Trưởng	4212 Kinh tế lượng GV D Q Hòa	4221 Kinh tế lượng GV T Đ Phụng	4214 Kinh tế lượng GV N T Hưng	6501 THUD GV L H T Mai	4209 Kinh tế lượng GV D Q Hòa	
Chiều	B604		4218 Kinh tế lượng GV T Đ Phụng	6501 THĐC GV L H T Mai	4215 Kinh tế lượng GV T Đ Phụng	4224 Kinh tế lượng GV T Đ Trưởng	4216 Kinh tế lượng GV N T Duy	
	B605	4209 Kinh tế lượng GV D Q Hòa	2402 Kinh tế lượng GV N T Hưng		4223 Kinh tế lượng GV V T B Khuê	2402 Kinh tế lượng GV N T Hưng	4222 Kinh tế lượng GV V T B Khuê	
	B606	3311 THUD GV T X Hưng	8002 THUD GV T T Sơn	3309 THUD GV N T T Lộc	3303 THUD GV B M Trường	3306 THUD GV T A Sơn	3302 THUD GV N Q Thanh	
	B608	3314 THUD GV B M Trường	3318 THUD GV L T K Thoa	3322 THUD GV N T Trường	8001 THUD GV T T Công	3326 THUD GV T Đ H Thụy	3316 THUD GV T T Hiếu	
	B610	3319 THUD GV N T N Lý	3312 THUD GV T A Sơn	3302 THUD GV N Q Thanh	3324 THUD GV H N T Trung	3319 THUD GV T T N Lý	4219 Kinh tế lượng GV N T Hưng	
	Người Trực	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Nam	